

Số: 47/2015/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định một số nội dung thực hiện Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về mức hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 2103/BTC-NSNN ngày 10/02/201 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1808/SNN-PTNT ngày 09/9/2015 (sau khi có ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 2608/STC-NS ngày 19/8/2015), kèm theo Văn bản thẩm định số 1428/BC-STP ngày 31/8/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung thực hiện Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về mức hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản

xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Công thương; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Website Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN và PTNT;
- Bí thư, các Phó Bí thư Tỉnh ủy;
- TTr HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBKT Tỉnh ủy, các Ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc, các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông;
- TTr các Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy;
- HĐND các huyện, thành phố, thị xã;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã (sao gửi, phổ biến cho UBND các xã, phường, thị trấn);
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PT-TH tỉnh;
- Các PVP/UBND tỉnh;
- Các CV VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NL₁, NL.

Gửi: VB giấy và điện tử.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Đình Sơn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số nội dung thực hiện Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về mức hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2015/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 Quy định kèm theo Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tiêu chí cánh đồng lớn, mức hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Xây dựng kế hoạch và dự toán

Hàng năm, căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 và các nội dung, mức hỗ trợ quy định tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh; UBND cấp huyện, các đơn vị liên quan triển khai thực hiện quy trình xây dựng kế hoạch và dự toán như sau:

1. UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch khối lượng và dự trù kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn (kèm theo tài liệu thuyết minh cụ thể về địa điểm, quy mô, đối tượng, đơn vị thực hiện...) gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30/7 hằng năm.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổng hợp kế hoạch khối lượng và dự trù kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn toàn tỉnh, gửi Sở Tài chính trước ngày 30/8 hằng năm để tổng hợp, rà soát, cân đối kinh phí thực hiện.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương, đơn vị liên quan rà soát, cân đối nguồn kinh phí thực hiện chính sách, đưa vào dự toán thu - chi ngân sách tỉnh hằng năm, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua để tổ chức thực hiện theo quy định.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ LẬP DỰ ÁN HOẶC PHƯƠNG ÁN CÁNH ĐỒNG LỚN VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ

Điều 4. Quy định về xây dựng Dự án hoặc phương án canh đồng lớn

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Quy trình thực hiện hỗ trợ

1. Đối với tổ chức đại diện của nông dân (hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) và nông dân.

a) Các đối tượng căn cứ kết quả thực hiện, nộp 01 bộ hồ sơ (bản sao có công chứng) được quy định tại Điều 6 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Quy định này về UBND cấp xã vào các ngày từ 05 đến 15 hằng tháng; UBND cấp xã soát xét, tổng hợp, lập Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí và gửi hồ sơ về UBND cấp huyện từ ngày 16 đến 20 hằng tháng.

b) UBND cấp huyện tổ chức nghiệm thu và gửi hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Phát triển nông thôn) từ ngày 25 đến 30 hằng tháng; hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách; tổng hợp danh sách và kinh phí của từng đối tượng đề nghị. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí của UBND cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp đề nghị Sở Tài chính cấp kinh phí.

c) Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị cấp kinh phí của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hồ sơ kèm theo, Sở Tài chính cấp kinh phí thực hiện chính sách thông qua ngân sách cấp huyện.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành phúc tra kết quả nghiệm thu của UBND cấp huyện mỗi năm 2 đợt: Đợt 1 từ ngày 01 đến 10/7 và đợt 2 từ ngày 01 đến 10/12 (tùy theo tính chất, yêu cầu mùa vụ có thể tổ chức phúc tra các đợt khác trong năm).

2. Đối với doanh nghiệp

a) Doanh nghiệp căn cứ kết quả thực hiện, nộp 01 bộ hồ sơ (bản sao có công chứng) được quy định tại Điều 6 và Khoản 3 Điều 7 Quy định này về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Phát triển nông thôn) trong thời gian từ ngày 25 đến 30 hằng tháng.

c) Căn cứ hồ sơ của doanh nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan thành lập Đoàn kiểm tra nghiệm thu, tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ kinh

phí hỗ trợ định kỳ hằng quý trong thời gian từ ngày 25 đến 30 của tháng cuối quý (tùy theo tính chất, yêu cầu mùa vụ có thể tổ chức kiểm tra nghiệm thu các đợt khác trong năm).

d) Sau khi có quyết định phân bổ kinh phí của UBND tỉnh, Sở Tài chính căn cứ hồ sơ, thực hiện cấp phát kinh phí.

e) Hằng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC

Điều 6. Hồ sơ bắt buộc chung

- Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND của đối tượng hưởng chính sách: Doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân (*mẫu đơn theo Phụ lục 01 kèm theo Quy định này*).

- Hợp đồng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản xây dựng cánh đồng lớn (*mẫu hợp đồng theo Phụ lục I kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BNN ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

Điều 7. Hồ sơ đối với từng nội dung hỗ trợ cụ thể

1. Đối với tổ chức đại diện của nông dân (hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

a) Hỗ trợ đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân và hỗ trợ tập huấn cho cán bộ HTX, liên hiệp HTX: Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật; Danh sách cấp phát kinh phí, tài liệu có ký nhận của hộ dân và Hợp đồng thuê giảng viên (nếu thuê ngoài).

b) Hỗ trợ về thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên:

- Đối với thuốc bảo vệ thực vật: Có hoá đơn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;

- Đối với công lao động, thuê máy: Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện; Biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị công lao động, thuê máy (nếu thuê ngoài).

2. Đối với nông dân (hỗ trợ chi phí mua giống)

Hoá đơn tài chính mua giống có phẩm cấp chất lượng từ giống xác nhận trở lên.

3. Đối với doanh nghiệp

a) Hỗ trợ đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật:

Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật (kèm theo chứng từ liên quan thể hiện các chi phí thực hiện).

b) Hỗ trợ kinh phí thực hiện quy hoạch: Quyết định phê duyệt quy hoạch của cấp có thẩm quyền.

c) Hỗ trợ cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, điện, thủy lợi nội đồng, hệ thống tưới: Hồ sơ thiết kế, dự toán thực hiện các hạng mục được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trong trường hợp cần thiết xin ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành) thẩm tra, doanh nghiệp phê duyệt và biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành.

Điều 8. Những nội dung không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 15/2014/TT-BNN ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh và các quy định có liên quan.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hằng năm tổng hợp kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách trên toàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan phúc tra kết quả nghiệm thu thực hiện chính sách của UBND cấp huyện và kiểm tra nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách của các doanh nghiệp;

c) Định kỳ hằng tháng, quý, năm tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chính sách theo quy định;

d) Thực hiện các nội dung liên quan khác theo quy định tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện chính sách hằng năm, trình HĐND tỉnh thông qua để tổ chức thực hiện;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phúc tra kết quả nghiệm thu thực hiện chính sách của UBND cấp huyện và kiểm tra nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách của các doanh nghiệp.

3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh và các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ thực hiện tốt các nội dung liên quan.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện; tổ chức kiểm tra nghiệm thu và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chính sách trên địa bàn hàng tháng, quý, năm;

b) Quản lý, cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hằng năm theo đúng quy định;

c) Hằng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trên địa bàn hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách theo Quy định này;

- Hằng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn cấp xã gửi UBND cấp huyện;

- Thực hiện hỗ trợ kinh phí và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng chế độ quy định;

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách ở địa phương, trường hợp phát hiện đối tượng lợi dụng chính sách, kịp thời báo cáo UBND cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và UBND tỉnh để kiểm tra, xử lý theo đúng quy định;

- Định kỳ hằng tháng, quý, năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND cấp huyện theo quy định.

6. Trách nhiệm của đối tượng hưởng chính sách: Lập và quản lý, lưu trữ các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc thực hiện chính sách theo quy định; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả.

7. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh, các cơ quan thông tin đại chúng, các cơ quan đoàn thể, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng Quyết định này để các địa phương, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân biết, tổ chức thực hiện có hiệu quả.

8. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời có báo cáo bằng văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định./.


**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Đình Sơn

Phụ lục 01:

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 139/2015/NQ-HĐND**
(Kèm theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày /9/2015 của UBND tỉnh)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 139/2015/NQ-HĐND**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân xã....
- Ủy ban nhân dân huyện

Tôi tên là:

Địa chỉ thường trú:.....

Chức vụ, đơn vị, địa chỉ (nếu là doanh nghiệp/tổ chức đại diện của nông dân):

.....

Điện thoại liên lạc:

Doanh nghiệp/tổ chức đại diện của nông dân/gia đình chúng tôi đã hoàn thành
..... (ghi rõ nội dung) tại xã....., huyện.....

Căn cứ Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh và Quyết định số.../2015/QĐ-UBND ngày /9/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung thực hiện Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về quy định mức hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Doanh nghiệp/tổ chức đại diện của nông dân/nông dân... kính đề nghị các cấp hỗ trợ kinh phí theo chính sách tại Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND với số kinh phí:..... đồng, gồm các nội dung:

- Tập huấn, đào tạo:..... đồng;
- Cải tạo đồng ruộng:..... đồng;

-

Doanh nghiệp/tổ chức đại diện của nông dân/nông dân... cam kết sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả. Nếu không thực hiện đúng cam kết, hoàn trả toàn bộ kinh phí đã được hỗ trợ.

Người/đơn vị đề nghị
(Ký tên và ghi rõ họ tên)